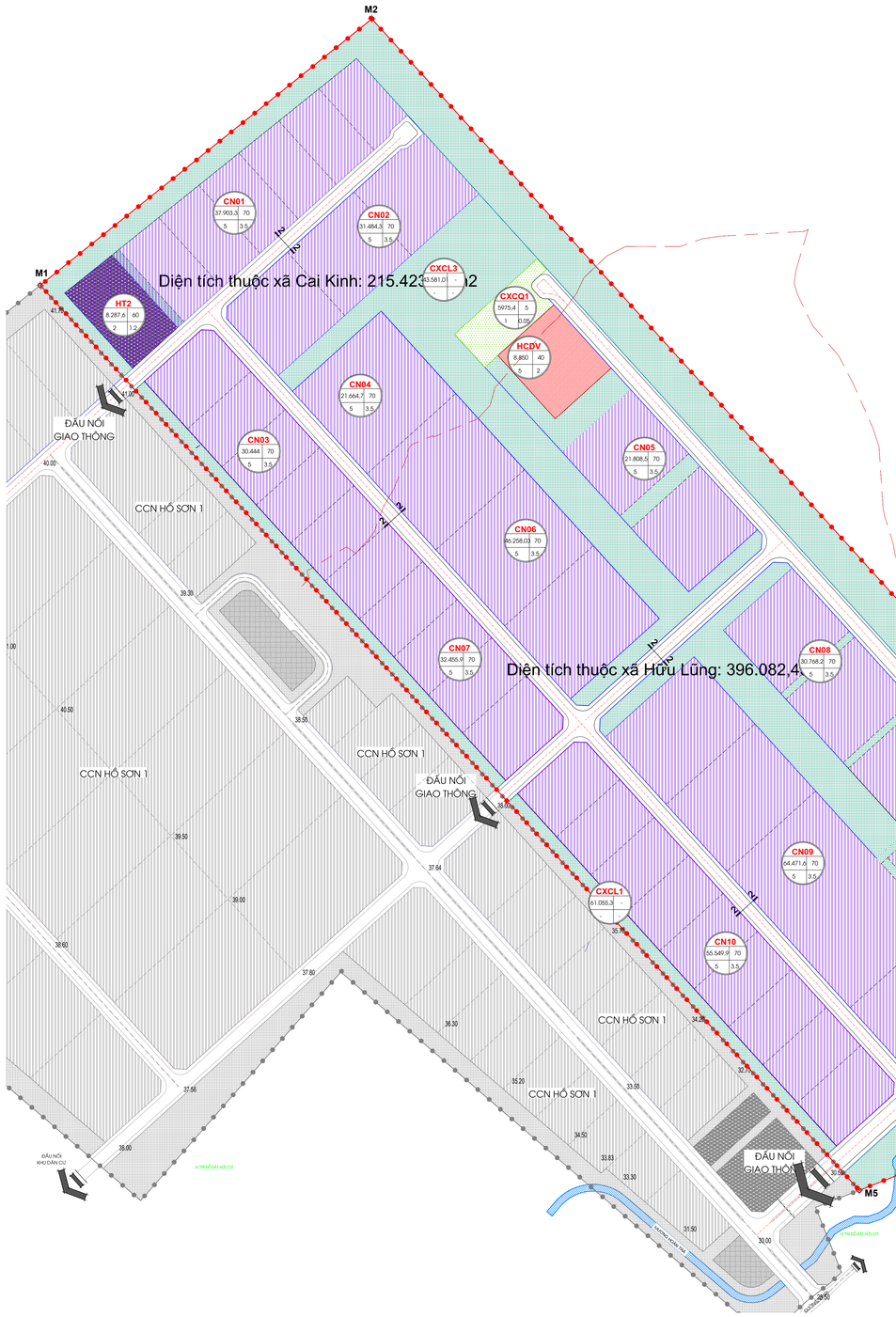

BẢNG THỐNG KÊ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP HỒ SƠN 2

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M2)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	TẦNG CAO (TẦNG)	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)
	XÃ CAI KINH		**215.423,76**	**28,76%**			
1	ĐẤT CN	CN.01	37.903,30	**5,06%**	70%	5	3,5
2	ĐẤT CN	CN.02	31.484,30	**4,20%**	70%	5	3,5
3	ĐẤT CN	CN.03	30.444,00	**4,06%**	70%	5	3,5
4	ĐẤT CN	CN.04	21.664,70	**2,89%**	70%	5	3,5
5	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY		61.055,33	**8,15%**			
6	ĐẤT CÂY XANH CẢNH QUAN		5.975,40	**0,80%**			
7	ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ		1.542,70	**0,21%**	**40%**	5	**2**
8	ĐẤT HẠ TẦNG 02		8.257,60	**1,10%**	**60%**	2	**1,2**
9	ĐẤT GIAO THÔNG		17.096,43	**2,28%**			
	XÃ HỮU LŨNG		**396.082,43**	**52,88%**			
1	ĐẤT CN	CN.05	21.808,50	**2,91%**	70%	5	3,5
2	ĐẤT CN	CN.06	46.258,03	**6,18%**	70%	5	3,5
3	ĐẤT CN	CN.07	32.455,90	**4,33%**	70%	5	3,5
4	ĐẤT CN	CN.08	30.768,20	**4,11%**	70%	5	3,5
5	ĐẤT CN	CN.09	64.471,60	**8,61%**	70%	5	3,5
6	ĐẤT CN	CN.10	55.549,90	**7,42%**	70%	5	3,5
7	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY		93.573,97	**12,49%**			
8	ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ		7.307,20	**0,98%**	**40%**	5	**2**
9	ĐẤT GIAO THÔNG		43.889,13	**5,86%**			
	XÃ TÂN THÀNH		**137.539,27**	**18,36%**			
1	ĐẤT CN	CN.11	41.384,00	**5,52%**	70%	**5**	3,5
2	ĐẤT CN	CN.12	12.837,30	**1,71%**	70%	**5**	3,5
3	ĐẤT CN	CN.13	13.178,80	**1,76%**	70%	**5**	3,5
4	ĐẤT HẠ TẦNG 01		8.715,60	**1,16%**	**60%**	2	**1,2**
5	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY		43.581,01	**5,82%**			
6	SÔNG, SUỐI, KÊNH, RẠCH		569,4	**0,08%**			
7	ĐẤT GIAO THÔNG		17.273,16	**2,31%**			
	TỔNG		**749.045,46**	**100,00%**			

BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP HỒ SƠN 2

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M2)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	TẦNG CAO (TẦNG)	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)
I	**ĐẤT CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CỘNG NGHIỆP, TTCN, KHO TÀNG**	**CN**	**439.208,53**	**58,64%**	70%	**5**	**3,5**
1		CN.01	37.903,30		70%	5	3,5
2		CN.02	31.484,30		70%	5	3,5
3		CN.03	30.444,00		70%	5	3,5
4		CN.04	21.664,70		70%	5	3,5
5		CN.05	21.808,50		70%	5	3,5
6		CN.06	46.258,03		70%	5	3,5
7		CN.07	32.455,90		70%	5	3,5
8		CN.08	30.768,20		70%	5	3,5
9		CN.09	64.471,60		70%	5	3,5
10		CN.10	55.549,90		70%	5	3,5
11		CN.11	41.384,00		70%	5	3,5
12		CN.12	12.837,30		70%	5	3,5
13		CN.13	12.178,80		70%	5	3,5
II	**ĐẤT CÂY XANH**	**CX**	**204.185,71**	**27,26%**	**5%**	**1**	**0,05**
II.1	ĐẤT CÂY XANH CẢNH QUAN	CXCQ.01	5.975,40				
II.2	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY	CXCL	198.210,31				
		CXCL01	61.055,33				
		CXCL02	93.573,97				
		CXCL03	43.581,01				
III	**ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ**	**DVTM.1**	**8.850,00**	**1,18%**	**40%**	**5**	**2**
V	**ĐẤT GIAO THÔNG**	**GT**	**79.228,63**	**10,58%**			
VI	**ĐẤT CT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC**	**HT**	**17.003,20**	**2,27%**	**60%**	**2**	**1,2**
		HT.1	8.715,60		60%	2	1,2
		HT.2	8.287,60		60%	2	1,2
VII	**SÔNG, SUỐI, KÊNH, RẠCH**	**MN**	**569,4**	**0,08%**			
	TỔNG		**749.045,47**	**100,00%**			

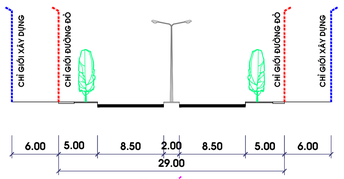

MẶT CẮT 1-1

(ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH CCN)

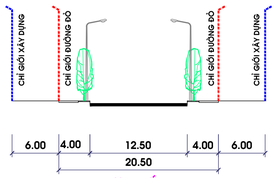

MẶT CẮT 2-2

(ĐƯỜNG NỘI BỘ CCN)

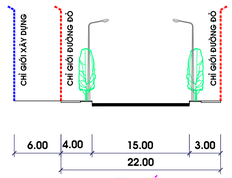

MẶT CẮT 3-3

(ĐƯỜNG NỘI BỘ CCN)